

Số: /2023/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và nội dung, mức chi, mức hỗ trợ thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân

tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và nội dung, mức chi, mức hỗ trợ thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5148/TTr-STC ngày 30 tháng 12 năm 2022 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 3193/BC-STP ngày 29 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và nội dung, mức chi, mức hỗ trợ thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Hỗ trợ đối với người dân tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào

dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

1. Đối tượng áp dụng

- a) Người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ.
- b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Mức hỗ trợ: Chi hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ: 500.000 đồng/người hoàn thành chương trình một kỳ học (tương đương một lớp, thời gian mỗi kỳ học có thể kéo dài từ 9 tháng đến một năm).

Điều 3. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo

1. Đối tượng áp dụng

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện Bắc Ái và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Chương trình) có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm.

b) Đối tượng thụ hưởng hỗ trợ nhà ở không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, đề án, chính sách khác.

- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Mức hỗ trợ

- Đối với xây mới nhà ở: hỗ trợ 60.000.000 đồng/hộ gia đình. Trong đó: ngân sách trung ương hỗ trợ 40.000.000 đồng/hộ gia đình, nguồn đối ứng của ngân sách địa phương hỗ trợ 20.000.000 đồng/hộ gia đình.

- Đối với sửa chữa nhà ở: hỗ trợ 30.000.000 đồng/hộ gia đình. Trong đó: ngân sách trung ương hỗ trợ 20.000.000 đồng/hộ gia đình, nguồn đối ứng của ngân sách địa phương hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ gia đình.

Điều 4. Hỗ trợ Giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 -2025

1. Đối tượng áp dụng

- a) Các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (xã khu vực III).
- b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Nội dung và mức chi

a) Chi hỗ trợ duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Duy trì việc trưng bày xuất bản phẩm, sách báo tại các điểm phục vụ và duy trì, vận hành việc cung cấp thông tin để phục vụ Nhân dân tiếp cận thông tin bằng sách, báo điện tử.

- Trang thiết bị lần đầu:

+ Máy vi tính: 01 bộ/điểm cung cấp dịch vụ và tối đa không quá 15.000.000 đồng (Thực hiện mua sắm theo quy định hiện hành).

+ Bàn, ghế, tủ/kệ: tối đa 10.000.000 đồng/điểm cung cấp dịch vụ.

- Thù lao cho nhân viên của Bưu điện để tham gia hướng dẫn người dân tiếp cận dịch vụ; Duy trì hệ thống chiếu sáng, quạt điện và internet: Theo phát sinh thực tế và tối đa không quá: 2.500.000 đồng/năm/điểm cung cấp dịch vụ.

b) Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã.

- Nội dung hỗ trợ: Đầu tư, thiết lập mới hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông thay thế hệ thống đài truyền thanh không dây hoạt động trong băng tần (87-108) MHz, không đúng với quy hoạch tần số vô tuyến điện.

- Mức hỗ trợ: Tối đa 500.000.000 đồng/hệ thống đài/xã.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ theo đúng quy định.

2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện Bác Ái và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện Bác Ái; hướng dẫn các thôn, xã xác định thực trạng về nhà ở và chất lượng về nhà ở sau khi được hỗ trợ.

3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bưu điện tỉnh, các sở, ban, ngành và địa phương liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức triển

khai thực hiện Tiểu dự án Giảm nghèo về thông tin đảm bảo hiệu quả; làm đầu mối tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác lập kế hoạch và báo cáo tình hình thực hiện Tiểu dự án tại địa phương theo quy định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 01 năm 2023.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- CT và PCT UBND tỉnh;
- TT.HĐND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH, VXNV;
- Lưu: VT.NDT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Long Biên